

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liềng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Tâm

2. Bà Châu Hồng Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1001/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1980; thường trú: Xóm 5, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 10/23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hồng H, sinh năm 1978; thường trú: Xóm 5, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 10A/23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; tạm trú: Số 10A/23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Hồng H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2013, quyền số 01/2011 ngày 11/9/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở 10A/23, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ sinh lý, anh H nghi ngờ chị V có quan hệ bất chính dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh H còn đánh chị V. Tháng 12/2017, chị V nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, sau đó anh Hoa xin lỗi hứa thay đổi. Tuy nhiên, anh H vẫn không thay đổi tiếp tục đánh chị V. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Hồng H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 23/8/2015. Khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Phạm Hồng H:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/10/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 13/11/2018 và 29/11/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2018, người làm chứng chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị là em ruột của chị Nguyễn Thị V, chị có thời gian sống gần phòng trọ của anh H và chị V. Quá trình chung sống, anh H chửi, đánh và xúc phạm chị V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 13/11/2018 và 29/11/2018 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Anh Phạm Hồng H và chị Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2013, quyền số 01/2011 ngày 11/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị V xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ sinh lý, anh H nghi ngờ chị V có quan hệ bất chính dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh H còn đánh chị V.

Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại chính quyền địa phương, nhưng chính quyền địa phương không biết vợ chồng có mâu thuẫn hay không. Căn cứ vào lời khai của chị V có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến xô xát, cãi nhau. Tháng 12/2017, chị Nguyễn Thị V nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tại Tòa án anh Phạm Hồng H xin lỗi và hứa thay đổi nên chị V rút đơn khởi kiện, tạo điều kiện cho anh H có thời gian thay đổi để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, anh H không có những biểu hiện tích cực để hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn tình cảm nữa. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 23/8/2015. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Phạm Thị Phương T là con gái, hiện đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ để cháu có thể phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Quá trình tố tụng, anh Hoa không có ý kiến gì về việc chị V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Chị V yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh H hiện đang

làm công nhân có thu nhập ổn định, đối với mức cấp dưỡng chị V yêu cầu là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương, nhu cầu của con chung hiện nay, bảo đảm cho cháu phát triển toàn diện về mọi mặt, đồng thời bảo đảm được quyền lợi của phụ nữ và con theo quy định tại Điều 58, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn, anh Phạm Hồng H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Phạm Hồng H.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Phạm Hồng H (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2013, quyền số 01/2011 ngày 11/9/2013 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An cấp).

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung tên Phạm Thị Phương T, sinh ngày 23/8/2015 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Phạm Hồng H và chị Nguyễn Thị V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3.2. Về cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Hồng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020105 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã N (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễn

